



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	5
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con (Sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN - ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, đập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Công ty con, Công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty con			
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Tây Ninh	403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh Tỉnh Tây Ninh	Sách, thiết bị giáo dục	35,02%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 298 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 24 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Lê Quang | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Lê Kế Đức | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Xà Triệu Hoàng | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Ngô Trần Vinh | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 24/03/2012
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|--|
| • Bà Lê Phương Mai | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Lê Quang | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 24/03/2012
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Vũ Văn Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012 |
| • Bà Phạm Nhật Quyên | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 24/03/2012
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|--|
| • Ông Trần Văn Hưng | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Từ Trung Đan | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Ông Lê Kế Đức | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2015
Miễn nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnq.vn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 857/2015/BCKT-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 17/08/2015 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") và Công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") đính kèm từ trang 6 đến trang 38. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính hợp nhất có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30/06/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 17 tháng 08 năm 2015

Phan Thị Lan Trang – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1936-2013-010-1

107
G
H
S
A
A
A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

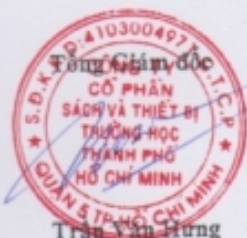
Mẫu số B 01 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.311.805.976	100.244.776.415
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.223.625.788	31.647.748.400
1. Tiền	111		3.117.444.722	3.298.969.347
2. Các khoản tương đương tiền	112		106.181.066	28.348.779.053
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.660.025.413	33.943.387.744
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	49.970.806.044	30.626.190.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.970.550.812	1.160.311.439
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8a	13.409.000.000	550.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	9	2.448.673.942	1.898.517.515
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(139.005.385)	(291.632.054)
IV. Hàng tồn kho	140	11	48.012.640.332	33.494.478.686
1. Hàng tồn kho	141		48.093.043.165	33.551.330.808
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.402.833)	(56.852.122)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.415.514.443	1.159.161.585
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	360.932.700	967.536.986
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	863.601.395	191.624.599
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	190.980.348	-
			43.477.820.942	42.488.184.863
B. TÀI SẢN DÀI HẠN				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.000.000	52.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8b	28.000.000	52.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.298.123.132	26.273.224.751
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	26.298.123.132	26.273.224.751
- Nguyên giá	222		39.881.440.511	40.860.242.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.583.317.379)	(14.587.018.117)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.014.314.410	1.030.836.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	3.014.314.410	1.030.836.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.579.204.179	3.443.359.550
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.089.204.179	2.953.359.550
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.558.179.221	11.688.764.198
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	10.492.623.666	11.616.541.976
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		65.555.555	72.222.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		163.789.626.918	142.732.961.278

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
C. Nợ phải trả	300		62.644.394.899	47.425.544.638
I. Nợ ngắn hạn	310		62.358.794.899	46.747.702.971
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	20.634.447.097	12.595.068.984
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		634.103.815	1.210.345.532
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	501.837.933	538.800.402
4. Phải trả người lao động	314		3.057.991.408	6.324.512.743
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	133.650.635	752.758.233
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		543.650.330	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	661.842.954	5.245.117.092
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20a	35.138.400.000	14.367.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.052.870.727	5.714.099.985
II Nợ dài hạn	330		285.600.000	677.841.667
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	677.841.667
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20b	285.600.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.145.232.019	95.307.416.640
I. Vốn chủ sở hữu	410		101.145.232.019	95.307.416.640
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	4.383.771.261	4.366.905.716
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	17.132.180.578	16.408.409.578
5. Lợi nhuận sau thuế CPP	421	21	6.697.950.713	1.326.180.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.379.892.209	600.437.906
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.318.058.504	725.742.978
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.514.333.243	2.788.924.238
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		163.789.626.918	142.732.961.278



Trần Văn Hưng

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	130.085.331.585	115.744.188.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	666.215.161	415.554.843
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		129.419.116.424	115.328.633.739
4. Giá vốn hàng bán	11	25	101.888.116.637	93.278.727.291
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>27.530.999.787</u>	<u>22.049.906.448</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	682.787.536	963.458.204
7. Chi phí tài chính	22	27	1.764.291.220	1.992.558.958
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.259.656.618	1.110.016.713
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		47.820.881	171.000
9. Chi phí bán hàng	25	28a	10.567.791.534	9.427.978.079
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28b	11.121.564.346	11.154.276.406
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>4.807.961.104</u>	<u>438.722.209</u>
12. Thu nhập khác	31	29	1.459.479.414	5.395.431.121
13. Chi phí khác	32	30	97.765.195	428.570.595
14. Lợi nhuận khác	40		<u>1.361.714.219</u>	<u>4.966.860.526</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>6.169.675.323</u>	<u>5.405.582.735</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	856.927.456	1.222.823.982
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.666.667	60.541.791
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>5.306.081.200</u>	<u>4.122.216.962</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		5.318.058.504	4.547.933.586
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(11.977.304)	(425.716.624)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	939	845
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	939	845



Trần Văn Hưng

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.169.675.323	5.405.582.735
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.213.852.164	1.005.518.348
- Các khoản dự phòng	03	(129.075.958)	155.792.215
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	89.488	(130.567)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.345.213.396)	(5.692.253.229)
- Chi phí lãi vay	06	1.259.656.618	1.110.016.713
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	7.168.984.239	1.984.526.215
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.156.799.706)	(3.279.976.075)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.541.712.357)	(15.040.964.295)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.682.443.754	7.113.355.050
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.730.522.596	(213.549.138)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.241.156.960)	(1.096.517.813)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(543.820.658)	(1.742.635.252)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	47.250.000	27.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.741.539.827)	(1.487.489.563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.595.828.919)	(13.736.250.871)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(3.341.432.400)	(1.028.973.972)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	621.560.002	(49.458.849)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	165.000.000	106.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.092.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	392.958.793	821.212.867
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.161.913.605)	(2.243.219.954)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	50.357.000.000	32.289.091.290
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.300.000.000)	(20.140.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.723.290.600)	(8.321.635.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.333.709.400	3.827.455.915
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(28.424.033.124)	(12.152.014.910)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.647.748.400	27.430.614.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(89.488)	130.567
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.223.625.788	15.278.730.374



Trần Văn Hưng

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 08 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29 tháng 01 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn: Trong năm, Tập đoàn không tái cấu trúc

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Giáo dục Tây Ninh

- Địa chỉ trụ sở chính: 403 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
- Hoạt động chính: Sản xuất, kinh doanh sách, thiết bị giáo dục, các loại học phẩm, ấn phẩm.
- Tỷ lệ sở hữu: 35,02%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Loại trừ các giao dịch nội bộ

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Công ty liên doanh là công ty được thành lập bởi Công ty và các nhà đầu tư khác. Trong đó, các bên góp vốn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh thích hợp được thực hiện để đảm bảo các chính sách được áp dụng nhất quán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc; Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của bên được đầu tư sau ngày mua. Trong trường hợp phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết. Phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Tập đoàn và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Tập đoàn:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Tập đoàn lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Tập đoàn
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Tập đoàn hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Tập đoàn theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Tập đoàn thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Tập đoàn là: chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;

Khoản chiết khấu thanh toán và hoa hồng môi giới được xác định theo thỏa thuận hợp đồng, số tiền thanh toán, thời gian thanh toán hoặc doanh thu đã phát sinh.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Tập đoàn có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Tập đoàn hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 22%

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	USD	30/06/2015	USD	31/12/2014
Tiền mặt		971.563.843		233.130.834
Tiền gửi ngân hàng		2.145.880.879		3.065.838.513
+ VND		2.113.198.120		2.866.938.909
+ USD	1.501,62 #	32.682.759	9.309,60 #	198.899.604
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng		106.181.066		28.348.779.053
Cộng		3.223.625.788		31.647.748.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	2.861.449.280	1.358.834.541
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	1.304.330.919	1.922.283.532
Công ty CP Bán đồ & Tranh ảnh Giáo dục	954.266.777	279.082.896
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	934.308.392	524.353.299
Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung	485.248.001	222.267.002
Các đối tượng khác	43.431.202.675	26.319.369.574
Cộng	49.970.806.044	30.626.190.844

Trong đó: phải thu khách hàng là các bên liên quan:

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết	2.861.449.280	1.358.834.541
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư	1.304.330.919	1.922.283.532
Công ty CP Bán đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	954.266.777	279.082.896
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	71.808.909	75.374.900
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	934.308.392	524.353.299
Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	485.248.001	222.267.002
Các đối tượng khác		-	2.773.156.665
Cộng		6.611.412.278	7.155.352.835

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Sách TBGD Miền Nam	458.286.546	-
Công ty CP Học Liệu	16.548.000	-
Các đối tượng khác	1.495.716.266	1.160.311.439
Cộng	1.970.550.812	1.160.311.439

Trong đó: trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	458.286.546	-
Công ty CP Học Liệu	Chung Công ty đầu tư	16.548.000	-
Cộng		474.834.546	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	10.000.000.000	-
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	3.000.000.000	-
DNTN Nhựa Tiến Vinh	400.000.000	550.000.000
Ông Trần Tuấn Kiệt	9.000.000	-
Cộng	13.409.000.000	550.000.000

Đối tượng vay	Hợp đồng	Ngày vay	kỳ hạn	Lãi suất
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	01/2015	07/05/2015	6 tháng	8%/năm
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	17/T4/STB	13/04/2015	6 tháng	8,4%/năm
DNTN Nhựa Tiến Vinh	27/T10/STB	05/10/2013	24 tháng	10%/năm
Ông Trần Tuấn Kiệt	09/T05/STB	23/05/2013	36 tháng	11%/năm

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Ông Nguyễn Tuấn Thanh	28.000.000	37.000.000
Ông Trần Tuấn Kiệt	-	15.000.000
Cộng	28.000.000	52.000.000

c. Phải thu các bên liên quan về cho vay

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư	10.000.000.000	-
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết	3.000.000.000	-
Cộng		13.000.000.000	-

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về lãi cho vay	179.878.889	-	-	-
Công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục Việt Nam	122.222.222	-	-	-
Công ty CP Sách và TBGD Tây Ninh	54.600.000	-	-	-
DNTN Nhựa Tiến Vinh	3.056.667	-	-	-
Lãi dự thu	64.956	-	24.342.852	-
Công ty TNHH MTV NXB Giáo Dục Việt Nam	507.440.000	-	-	-
Tạm ứng	351.769.022	-	493.222.527	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.000.000	-	25.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN	440.300	-	335.300	-
Phải thu khác	1.384.080.775	-	1.355.616.836	-
Cộng	2.448.673.942	-	1.898.517.515	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	(26.000.000)	(33.000.000)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(110.822.120)	(178.318.694)
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	(2.183.265)	(80.313.360)
Cộng	(139.005.385)	(291.632.054)

11. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.735.729.776	-	5.499.430.567	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	21.009.144	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.295.116.214	-	2.399.331.615	-
Thành phẩm	10.126.828.720	-	8.700.395.230	-
Hàng hóa	28.935.368.455	(80.402.833)	16.931.164.252	(56.852.122)
Cộng	48.093.043.165	(80.402.833)	33.551.330.808	(56.852.122)

Giá trị Hàng tồn kho khó tiêu thụ tại 30/06/2015: 160.805.666 đồng.

Tại thời điểm 30/06/2015 không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản vay.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	136.838.186	152.504.074
Chi phí sửa chữa	16.063.883	116.606.903
Chi phí bảo hiểm	1.392.000	93.163.764
Chi phí trả trước khác	206.638.631	605.262.245
Cộng	360.932.700	967.536.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	576.183.574	774.806.149
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	353.020.708	198.276.725
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	529.781.263	1.246.437.775
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	300.825.841	112.209.950
Sửa chữa tại cửa hàng Bình Thạnh	79.656.195	130.571.882
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	750.738.169	1.141.068.410
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.861.171.863	7.955.884.779
Chi phí khác	41.246.053	57.286.306
Cộng	10.492.623.666	11.616.541.976

(*) Thuê 20.600 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.265.197.761	10.360.330.241	3.348.804.225	885.910.641	40.860.242.868
Tăng trong kỳ	-	629.896.000	608.854.545	-	1.238.750.545
Th.lý, nhượng bán	-	1.796.355.826	314.908.887	-	2.111.264.713
Giảm khác			106.288.189		106.288.189
Số cuối kỳ	26.265.197.761	9.193.870.415	3.536.461.694	885.910.641	39.881.440.511
Khấu hao					
Số đầu năm	6.784.212.376	5.770.016.091	1.552.631.897	480.157.753	14.587.018.117
Tăng trong kỳ	348.783.964	608.362.074	186.336.597	70.369.529	1.213.852.164
T/ly, nhượng bán	-	1.796.355.826	314.908.887	-	2.111.264.713
Giảm khác	-	-	106.288.189	-	106.288.189
Số cuối kỳ	7.132.996.340	4.582.022.339	1.317.771.418	550.527.282	13.583.317.379
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	19.480.985.385	4.590.314.150	1.796.172.328	405.752.888	26.273.224.751
Số cuối kỳ	19.132.201.421	4.611.848.076	2.218.690.276	335.383.359	26.298.123.132

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 12.700.573.899 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 2.103.378.343 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2015	31/12/2014
Xây dựng nhà máy Bình Dương	635.893.818	-
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	54.545.454	158.109.090
Sửa chữa nhà 780 Nguyễn Kiệm	960.238.774	190.909.092
Công trình 104/5 Mai Thị Lựu	1.363.636.364	681.818.182
Cộng	3.014.314.410	1.030.836.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2015				31/12/2014			
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Cty liên kết					3.089.204.179	-	2.953.359.550	-
- Công ty CP Sách và TBGD Tây Ninh	Đang hoạt động	35,02%	35,02%	21.920	3.089.204.179	-	2.953.359.550	-
Đầu tư vào đơn vị khác					490.000.000	-	490.000.000	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
Cộng					3.579.204.179	-	3.443.359.550	-

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

- Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

(S) (S) (S)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách Giáo Dục TP HCM	146.189.517	166.460.762
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	2.988.466.045	284.911.500
Chi nhánh NXBGD tại Đà Nẵng	167.028.994	167.028.994
Cty CP Đầu Tư PTGD Đà Nẵng	132.308.000	-
CTY CP DV XBGD Gia Định	2.196.699.700	1.975.449.700
Các đối tượng khác	15.003.754.841	10.001.218.028
Cộng	20.634.447.097	12.595.068.984

Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách Giáo Dục TP HCM	Chung Công ty đầu tư	146.189.517	166.460.762
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	2.988.466.045	284.911.500
Chi nhánh NXBGD tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư	167.028.994	167.028.994
Cty CP Đầu Tư PTGD Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư	132.308.000	-
CTY CP Sách Dân Tộc	Chung Công ty đầu tư	42.693.420	10.207.780
CTY CP DV XBGD Gia Định	Công ty nhận đầu tư	2.196.699.700	1.975.449.700
Các đối tượng khác		514.200	108.900
Cộng		5.673.899.876	2.604.167.636

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	(17.292.838)	(424.899.513)	421.409.044	(863.601.395)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	166.006.631	856.927.456	543.820.658	479.113.429
Thuế TNCN	198.462.010	366.580.819	733.298.673	(168.255.844)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.916.799.294	1.916.799.294	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	347.175.803	2.724.408.056	3.624.327.669	(552.743.810)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	108.685.977	551.222.833
Trích trước lãi vay	18.499.658	-
Chi phí học tập ngoại khóa cho học sinh, giáo viên	-	136.535.400
Trích trước chi phí khác	6.465.000	65.000.000
Cộng	133.650.635	752.758.233

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	136.562.076	447.732.725
Phải trả về Cổ phần hoá	-	723.771.000
Cổ tức phải trả	248.427.557	3.724.718.157
Các khoản phải trả, phải nộp khác	276.853.321	348.895.210
- Thuế lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	122.306.472	117.306.472
- Thuế thu nhập cá nhân	-	101.822.404
- Phải trả khác	154.546.849	129.766.334
Cộng	661.842.954	5.245.117.092

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	14.367.000.000	50.000.000.000	29.300.000.000	35.067.000.000
- Vay cá nhân	14.367.000.000	-	-	14.367.000.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	35.000.000.000	14.300.000.000	20.700.000.000
- NH TMCP Công thương CN 5	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	71.400.000	-	71.400.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	71.400.000	-	71.400.000
Cộng	14.367.000.000	50.071.400.000	29.300.000.000	35.138.400.000

07C
V.G
J.H
N.V.A
A
U

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	-	357.000.000	-	357.000.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	357.000.000	-	357.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	357.000.000	-	357.000.000
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	-	-	-	71.400.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	285.600.000

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng vay số 066C15 ngày 02/06/2015. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Isuzu. Lãi suất cho vay năm đầu tiên 7,22%, các năm tiếp theo theo lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả tính đến 30/06/2016: 71.400.000 đồng.

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	LNST chưa phân phối VNI
Số tại 01/01/2014	56.655.300.000	12.325.320.000	3.701.058.580	(3.275.267.777)	15.034.163.330	668.985.604
Tăng trong năm	-	1.436.376.224	692.885.346	-	1.402.059.725	14.175.110.187
Giảm trong năm	-	-	27.038.210	(3.275.267.777)	27.813.477	13.517.914.905
Số tại 31/12/2014	56.655.300.000	13.761.696.224	4.366.905.716	-	16.408.409.578	1.326.180.884
Số tại 01/01/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	4.366.905.716	-	16.408.409.578	1.326.180.884
Tăng trong kỳ	-	-	16.865.545	-	723.771.000	5.406.082.257
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	34.312.427
Số tại 30/06/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	4.383.771.261	-	17.132.180.578	6.697.950.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Cổ phiếu

	30/06/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	1.326.180.884	668.985.606
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	5.318.058.504	14.120.258.500
Điều chỉnh do hợp nhất	88.023.748	54.851.687
Phân phối lợi nhuận năm trước	34.312.423	68.547.700
- Trích quỹ dự trữ	16.865.545	16.865.545
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.446.878	51.682.155
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	13.449.367.209
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.352.039.602
- Trích quỹ dự trữ	-	676.019.801
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	3.380.099.005
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	676.019.801
- Chia cổ tức	-	7.365.189.000
Lợi nhuận chưa phân phối	6.697.950.713	1.326.180.884

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	30/06/2015	31/12/2014
Ngoại tệ (USD)	1.501,62	9.309,60

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhì	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	164.052.785	Không còn khả năng thu hồi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Bản cáo tài chính hợp nhất)

23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	61.723.955.886	58.724.160.795
Doanh thu thiết bị giáo dục	58.967.442.752	49.210.444.519
Doanh thu hoạt động dạy học	9.204.196.587	7.620.847.816
Doanh thu khác	189.736.360	188.735.452
Cộng	130.085.331.585	115.744.188.582

Trong đó: doanh thu bán hàng cho các bên liên quan

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	
Bán sách, thiết bị giáo dục			
Công ty Sách THGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	2.216.192.883	1.645.685.063
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư	1.265.104.942	1.462.055.258
Công ty CP Sách- THGD Tây Ninh	Công ty liên kết	1.430.439.421	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	1.052.841.155	849.957.480
Công ty CP Sách- THGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	1.058.529.012	283.506.330
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	2.151.990.144	1.985.251.348
Các đối tượng khác		249.328.520	422.428.492
Cộng	9.424.426.077	6.648.883.971	

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Hàng bán bị trả lại	666.215.161	415.554.843
	666.215.161	415.554.843

25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách và sản phẩm in	53.604.981.409	51.605.282.573
Giá vốn thiết bị giáo dục	43.168.558.323	37.136.964.808
Giá vốn hoạt động dạy học	5.078.498.234	4.491.099.371
Giá vốn khác	12.527.960	151.961.861
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23.550.711	(106.581.322)
Cộng	101.888.116.637	93.278.727.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	489.759.786	725.314.844
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	132.753.713	179.212.793
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	130.567
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.474.037	-
Cộng	682.787.536	963.458.204

27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	1.259.656.618	1.110.016.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	89.488	-
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	504.545.114	882.542.245
Cộng	1.764.291.220	1.992.558.958

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương, các khoản trích theo lương	6.300.967.836	6.689.499.488
Khấu hao, sửa chữa TSCĐ	62.748.220	9.249.992
Chi phí vận chuyển	937.330.607	790.262.133
Tiền thuê đất	1.569.632.400	722.057.490
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	525.731.874	122.228.447
Các khoản khác	1.171.380.597	1.094.680.529
Cộng	10.567.791.534	9.427.978.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tiền lương, các khoản trích theo lương	6.363.024.007	5.942.380.275
Khấu hao, sửa chữa TSCĐ	201.244.648	375.970.448
Thủ lao HĐQT	229.800.000	361.543.184
Tiền thuê đất	140.474.166	162.219.404
Các khoản khác	4.187.021.525	4.312.163.095
Cộng	11.121.564.346	11.154.276.406

29. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	748.832.729	-
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	92.339.423	85.659.851
Bán thanh lý vật tư, phế liệu	2.620.000	9.809.273
Chuyển nhượng vật tư	-	104.168.370
Cho thuê mặt bằng	145.167.396	172.257.668
Thu nhập khác	470.519.866	48.497.575
Cộng	1.459.479.414	5.395.431.121

30. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	66.899.999
Giá trị vật tư chuyển nhượng	-	104.168.370
Giá trị vật tư, hàng kém chất lượng thanh lý	57.621.211	117.476.651
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	26.058.950	34.361.400
Chi phí khác	14.085.034	105.664.175
Cộng	97.765.195	428.570.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.169.675.323	5.405.582.735
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	4.304.816.608	1.523.441.847
- Hoạt động khác không được ưu đãi	1.864.858.715	(1.092.897.496)
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	6.511.206	(195.502.035)
- Các khoản điều chỉnh tăng	143.435.117	175.192.436
+ Chi phí không được trừ	133.866.667	175.192.436
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.488	-
+ Lỗ tại công ty con	9.478.962	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	136.923.911	370.694.471
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.800.000	370.392.904
+ Lãi Công ty liên kết	47.820.881	-
+ Lợi nhuận đã thực hiện	30.303.030	301.567
Tổng thu nhập chịu thuế	6.176.186.529	5.210.080.700
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	4.314.295.570	1.054.675.070
- Hoạt động khác không được ưu đãi	1.861.890.959	(819.632.754)
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.975.038.384
Thuế thu nhập doanh nghiệp	841.045.568	1.222.823.982
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	431.429.557	109.030.471
- Hoạt động khác không được ưu đãi	409.616.011	19.285.067
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	1.094.508.444
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	856.927.456	1.222.823.982
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	841.045.568	1.222.823.982
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	15.881.888	-

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.318.058.504	4.547.933.586
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	5.318.058.504	4.547.933.586
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.381.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	939	845

ĐƯỢC
CÓN
T.N
KTOÁN
A
CHÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.318.058.504	4.547.933.586
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.318.058.504 5.665.530	4.547.933.586 5.381.030
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	939	845

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.290.755.019	19.487.675.859
Chi phí nhân công	18.073.630.669	18.879.029.132
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.213.852.164	973.278.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.486.770.304	10.471.980.366
Chi phí khác bằng tiền	4.319.469.686	5.601.373.734
Cộng	51.384.477.842	55.413.337.482

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung Công ty đầu tư

107.
GTY
H.H
VÀ KẾ
AC
J - TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Mua hàng			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	phí quản lý, tem	3.936.300	8.364.600
Công ty Sách TBGD Miền Nam	Cung ứng sách GK, bia	37.334.072.722	33.144.925.222
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách T.Khảo	324.812.815	337.370.587
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	67.032.000	73.800.000
Công ty Thiết Bị Giáo dục 2	Cung ứng TBGD	9.280.000	40.766.864
Công ty ĐT và PT DG Phương Nam	Cung ứng sách T.Khảo	19.409.076.455	17.415.119.210
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Cung ứng bản đồ	1.516.869.928	1.739.477.887
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cho vay	10.000.000.000	-
	Lãi cho vay	122.222.222	-
Hội đồng quản trị	Thù lao	224.800.000	289.079.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.418.071.900	1.237.844.300

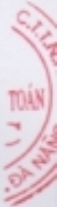
c. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

Khoản mục		30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Phải thu về lãi cho vay	122.222.222	-
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Phải thu về lãi cho vay	54.600.000	-
Cộng		176.822.222	-

36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6 tháng đầu năm 2015	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	9.204.196.587	58.967.442.752	61.913.692.246	130.085.331.585
Các khoản giảm trừ	-	523.069.755	143.145.406	666.215.161
Giá vốn hàng bán	5.078.498.234	43.168.558.323	53.641.060.080	101.888.116.637
Chi phí bán hàng	-	5.155.110.781	5.412.680.753	10.567.791.534
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.284.785.953	3.335.072.412	3.501.705.981	11.121.564.346
Chi phí lãi vay thuần	(5.712.622)	378.352.719	397.256.735	769.896.832
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	(152.006.012)	(159.600.840)	(311.606.852)
Thu nhập khác	157.940.123	634.908.364	666.630.927	1.459.479.414
Chi phí khác	14.044.107	40.840.272	42.880.816	97.765.195
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết	-	-	-	47.820.881
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.478.962)	6.849.340.842	(718.007.438)	6.169.675.323
Tài sản và Nợ phải trả tại 30/06/2015				
Phải thu của khách hàng	1.533.358.205	32.981.702.870	15.455.744.969	49.970.806.044
Hàng tồn kho	27.934.974	34.256.287.343	13.808.820.848	48.093.043.165
Tài sản cố định hữu hình	-	-	-	26.298.123.132
- Tài sản cố định HH của bộ phận	909.766.172	18.124.892.441	1.323.309.758	20.357.968.371
+ Nguyên giá	1.430.786.363	23.747.129.985	4.217.863.223	29.395.779.571
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(521.020.191)	(5.622.237.544)	(2.894.553.465)	(9.037.811.200)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	5.940.154.761
+ Nguyên giá	-	-	-	10.485.660.940
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(4.545.506.179)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	39.427.654.577
Tổng Tài sản				163.789.626.918
Phải trả người bán	4.813.569	12.404.155.939	8.225.477.589	20.634.447.097
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	42.009.947.802
Tổng Nợ phải trả				62.644.394.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6 tháng đầu năm 2014	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	7.620.847.816	49.210.444.519	58.912.896.247	115.744.188.582
Các khoản giảm trừ	-	402.654.383	12.900.460	415.554.843
Giá vốn hàng bán	4.491.099.371	37.136.964.808	51.650.663.112	93.278.727.291
Chi phí bán hàng	-	4.394.447.956	5.033.530.123	9.427.978.079
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.787.137.105	3.331.890.442	4.035.248.859	11.154.276.406
Chi phí lãi vay thuần	-	181.368.378	203.333.491	384.701.869
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	5.722.372	-	(650.121.257)	(644.398.885)
Thu nhập khác	207.075.850	9.454.545	5.178.900.726	5.395.431.121
Chi phí khác	547.683	26.821	427.996.091	428.570.595
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				171.000
Lãi (lỗ) trong kỳ	(445.138.121)	3.772.546.276	2.078.003.580	5.405.582.735
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2014				
Phải thu của khách hàng	1.622.724.160	27.295.557.195	1.707.909.489	30.626.190.844
Hàng tồn kho	41.579.081	27.860.030.791	5.649.720.936	33.551.330.808
Tài sản cố định hữu hình				26.273.224.751
- Tài sản cố định HH của bộ phận	1.002.653.432	18.482.748.200	521.761.754	20.007.163.386
+ Nguyên giá	1.430.786.363	23.752.059.713	3.107.452.870	28.290.298.946
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(428.132.931)	(5.269.311.513)	(2.585.691.116)	(8.283.135.560)
- Tài sản cố định HH không phân bổ	-	-	-	6.266.061.365
+ Nguyên giá	-	-	-	12.569.943.922
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(6.303.882.557)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	52.339.066.997
Tổng Tài sản				142.789.813.400
Phải trả người bán	305.350.681	4.497.993.407	7.791.724.896	12.595.068.984
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	34.830.475.654
Tổng Nợ phải trả				47.425.544.638

010
C
T.1
EMTU
A
K.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Tập đoàn xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Tập đoàn ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Tập đoàn ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Tập đoàn duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	30/06/2015	12/12/2014
	USD	USD
Tài sản tài chính (tiền gửi ngân hàng)	1.501,62	9.309,60

Quản lý rủi ro về giá

Tập đoàn mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Tập đoàn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Tập đoàn phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Tập đoàn ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Tập đoàn đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

3707-
KG TY
V.H.F
INVA K
A
TÁU -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Tập đoàn thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn theo thời hạn thanh toán như sau

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	20.634.447.097	-	20.634.447.097
Chi phí phải trả	133.650.635	-	133.650.635
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	35.138.400.000	285.600.000	35.424.000.000
Phải trả khác	525.280.878	-	525.280.878
Cộng	56.431.778.610	285.600.000	56.717.378.610

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	12.595.068.984	-	12.595.068.984
Chi phí phải trả	752.758.233	-	752.758.233
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	14.367.000.000	-	14.367.000.000
Phải trả khác	4.797.384.367	-	4.797.384.367
Cộng	32.512.211.584	-	32.512.211.584

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Tập đoàn được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	3.223.625.788	-	3.223.625.788
Phải thu khách hàng	49.831.800.659	-	49.831.800.659
Phải thu về cho vay	13.409.000.000	28.000.000	13.437.000.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	2.096.904.920	-	2.096.904.920
Cộng	68.561.331.367	518.000.000	69.079.331.367

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	31.647.748.400	-	31.647.748.400
Phải thu khách hàng	30.334.558.790	-	30.334.558.790
Phải thu về cho vay	-	602.000.000	602.000.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	1.404.959.688	-	1.404.959.688
Cộng	63.387.266.878	1.092.000.000	64.479.266.878

38. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2015, Tập đoàn có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 9241/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 08/12/2005 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phần xương mộc - nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phần xương cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

39. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

